

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hương

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Lý Thể Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Th** – sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện D, tỉnh Cà Mau. “vắng mặt”

2. *Bị đơn:* anh **L** – sinh năm 1993. Hộ khẩu thường trú: số B, đường Đ, Khóm S, Phường X, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: số Q, khóm F, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Th trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh L tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2014, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh L chỉ lo tụ tập bạn bè ăn chơi, không lo làm ăn, chăm sóc gia đình dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không có biện pháp hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: quá trình chung sống chị và anh L có 02 người con chung tên V, sinh ngày 06/3/2015 và K, sinh ngày 10/10/2016. Hiện nay cháu K và cháu V đang sống chung cùng chị Th. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu K, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về phía bị đơn anh L trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị Th về vấn đề hôn nhân. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ và mẹ anh không hòa hợp, ngoài ra lúc trước anh có cùng bạn bè chơi ma túy đá và game bắn cá nhưng hiện nay anh đã lo chí thú làm ăn. Nay anh nhận thấy còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: quá trình chung sống anh và chị Th có 02 người con chung tên V, sinh ngày 06/3/2015 và K, sinh ngày 10/10/2016. Hiện nay cháu K và cháu V đang sống chung cùng chị Th. Trong trường hợp ly hôn, anh đồng ý giao cháu V và cháu K cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: chị Th và anh L chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn do vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh L. Về con chung: Giao cháu V, sinh ngày 06/3/2015 và K, sinh ngày 10/10/2016 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Th yêu cầu ly hôn với anh L, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh L cư trú tại số Q, khóm F, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý

giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Th và bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Th và anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Th và anh L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014, là sự kiện có xảy ra trên thực tế, được chị Th và anh L thừa nhận. Tuy nhiên, quá trình sống chung theo chị Th và anh L xác định vợ chồng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”* và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Th, tuyên bố không công nhận chị Th và anh L là vợ chồng.

[3] Về con chung: chị Th và anh L thống nhất xác định quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên V, sinh ngày 06/3/2015 và K, sinh ngày 10/10/2016. Hiện nay cháu K và cháu V đang sống chung cùng chị Th. Khi ly hôn chị Th và anh L thống nhất giao cháu K và cháu V cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Th và anh L về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, phù hợp theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị Th và anh L, giao cháu V, sinh ngày 06/3/2015 và K, sinh ngày 10/10/2016 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: chị Th và anh L thống nhất xác định vợ chồng chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị Th và anh L thống nhất xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: chị Th yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Th và anh L là vợ chồng.

2. Về con chung: giao cháu V, sinh ngày 06/3/2015 và cháu K, sinh ngày 10/10/2016 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, (hiện cháu V và cháu K đang sống chung cùng chị Th). Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: chị Th và anh L thống nhất xác định vợ chồng chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: chị Th và anh L thống nhất xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000844 ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Phùng Văn Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Phùng Văn Định